

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CTY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU

PHARMEDIC

367, Nguyễn Trãi

MST : 0300483037-1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 2 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Địa chỉ : 367, Nguyễn Trãi, P. Nguyễn Cư Trinh, Q.I, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bảng cân đối kế toán**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính: VNĐ

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A.TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		117.675.723.407	113.689.355.811
I.Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	26.013.429.705	28.232.155.582
1.Tiền	111		5.513.429.705	4.732.155.582
2.Các khoản tương đương tiền	112		20.500.000.000	23.500.000.000
II.Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III.Các khoản phải thu ngắn hạn	130		27.536.848.982	23.379.608.060
1.Phải thu của khách hàng	131	V.2	22.414.661.431	22.036.465.512
2.Trả trước cho người bán	132	V.3	5.203.049.633	1.222.372.514
5.Các khoản phải thu khác	135	V.4	11.390.058	156.962.936
6.Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(92.252.140)	(36.192.902)
IV.Hàng tồn kho	140		62.744.310.269	60.910.981.142
1.Hàng tồn kho	141	V.5	62.744.310.269	60.910.981.142
2.Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.Tài sản ngắn hạn khác	150		1.381.134.451	1.166.611.027
1.Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	903.303.534	534.969.864
2.Thuế GTGT được khấu trừ	152		21.242.716	268.057.699
5.Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	456.588.201	363.583.464
B.TÀI SẢN DÀI HẠN	200		36.759.762.749	37.971.961.873
I.Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II.Tài sản cố định	220		36.759.762.749	37.380.233.822
1.Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	33.353.007.633	33.659.470.928
- Nguyên giá	222		115.277.218.437	112.501.501.551
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(81.924.210.804)	(78.842.030.623)
3.Tài sản cố định vô hình	227	V.9	3.377.190.116	3.495.164.288
- Nguyên giá	228		5.585.814.645	5.585.814.645
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.208.624.529)	(2.090.650.357)
4.Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	29.565.000	225.598.606
III.Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV.Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V.Tài sản dài hạn khác	260		-	591.728.051
1.Chi phí trả trước dài hạn	261		-	591.728.051
2.Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		154.435.486.156	151.661.317.684

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Địa chỉ : 367, Nguyễn Trãi, P. Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A.NỢ PHẢI TRẢ	300		36.227.341.427	32.725.073.262
I.Nợ ngắn hạn	310		36.227.341.427	32.725.073.262
1.Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2.Phải trả cho người bán	312	V.11	6.300.847.895	5.620.282.294
3.Người mua trả tiền trước	313		489.626.978	280.651.416
4.Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	4.303.525.139	5.955.183.102
5.Phải trả người lao động	315		10.599.544.246	13.246.750.146
6.Chi phí phải trả	316	V.13	-	-
9.Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.14	9.507.636.401	2.737.278.779
11.Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		5.026.160.768	4.884.927.525
II.Nợ dài hạn	330		-	-
B.VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	PL	118.208.144.729	118.936.244.422
I.Nguồn vốn quỹ	410		118.208.144.729	118.936.244.422
1.Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		64.816.340.000	64.816.340.000
2.Thặng dư vốn cổ phần	412		913.497.000	913.497.000
4.Cổ phiếu quỹ	414		(93.405.000)	(93.405.000)
6.Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.Quỹ đầu tư phát triển	417		28.962.798.676	20.112.151.062
8.Quỹ dự phòng tài chính	418		6.481.634.000	6.440.881.433
10.Lợi nhuận chưa phân phối	420		17.127.280.053	26.746.779.927
II.Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		154.435.486.156	151.661.317.684

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
4. Nợ khó đòi đã xử lý			422.332.257	422.332.257
5. Ngoại tệ các loại			-	-
Dollar Mỹ (USD)			42.878,40	13.013,24
Euro (EUR)			873,40	878,86
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			-	-

Người lập biểu

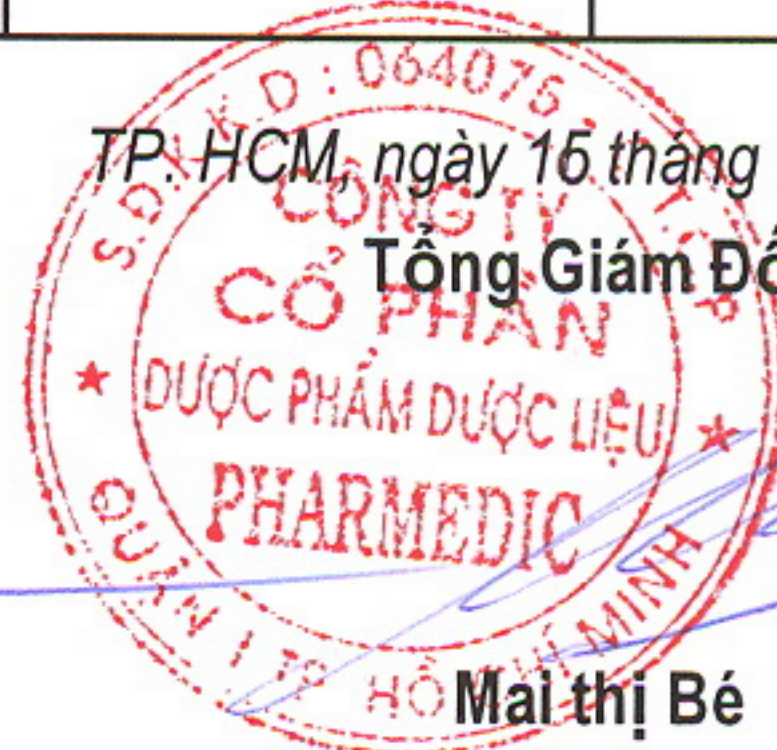
Đặng Thị Huệ

Kế Toán Trưởng

Cao Tấn Tước

TP. HCM, ngày 15 tháng 7 năm 2012

Tổng Giám Đốc



Mai Thị Bé

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Địa chỉ : 367, Nguyễn Trãi, P. Nguyễn Cư Trinh, Q.I, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo quý kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 2 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
					Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	67.985.998.391	58.487.735.374	140.240.869.998	119.986.067.443
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	249.596.166	77.570.563	372.365.492	132.867.676
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	67.736.402.225	58.410.164.811	139.868.504.506	119.853.199.767
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	40.771.237.990	36.097.102.273	85.524.411.437	75.244.196.154
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		26.965.164.235	22.313.062.538	54.344.093.069	44.609.003.613
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	600.922.105	728.251.455	1.142.167.050	1.291.462.226
7. Chi phí từ hoạt động đầu tư tài chính	22	VI.4	3.916.500	9.028.664	16.639.901	18.790.424
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	6.888.504.309	6.203.285.778	13.559.733.796	12.475.051.190
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	7.161.786.581	5.573.088.084	14.271.562.608	10.552.667.255
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.511.878.950	11.255.911.467	27.638.323.814	22.853.956.970
11. Thu nhập khác	31	VI.7	78.643.537	485.732.727	347.546.356	577.069.382
12. Chi phí khác	32	VI.8	30.282.619	81.254.708	110.468.098	193.142.184
13. Lợi nhuận khác	40		48.360.918	404.478.019	237.078.258	383.927.198
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.560.239.868	11.660.389.486	27.875.402.072	23.237.884.168
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	3.391.034.967	3.031.247.371	6.969.825.518	5.932.397.042
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	(113.875.000)	-	(113.875.000)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	VI.10	10.169.204.901	8.743.017.115	20.905.576.554	17.419.362.126
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.11	1.570	1.350	3.228	2.690

Người lập biểu

Đặng thị Huệ

Kế Toán Trưởng

Cao Tấn Tước

TP. HCM, ngày 15 tháng 7 năm 2012

Tổng Giám Đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Quý 2 năm 2012
(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VNĐ

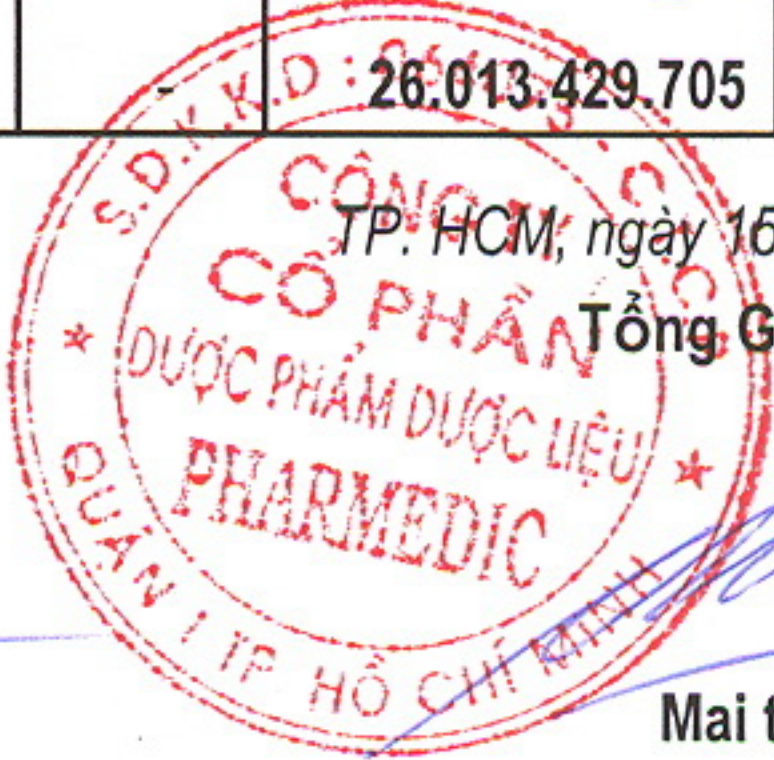
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		27.875.402.072	23.237.884.168
2. Điều chỉnh cho các khoản :			2.642.848.577	2.917.692.596
Khấu hao tài sản cố định	02	V.8&V.9	3.852.251.751	4.109.431.153
Các khoản dự phòng	03		56.059.238	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.265.462.412)	(1.191.738.557)
Chi phí lãi vay	06		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		30.518.250.649	26.155.576.764
Tăng, giảm các khoản phải thu	9		(4.059.489.914)	(5.385.693.607)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.833.329.127)	(8.232.391.689)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(1.245.781.795)	(454.654.033)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		223.394.381	(1.467.497.736)
Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(8.542.471.886)	(5.458.585.739)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
Tiền Chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(5.951.497.404)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		9.109.074.904	5.156.753.960
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.234.873.087)	(5.361.702.971)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		168.181.818	424.909.091
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.100.373.003	1.191.738.557
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.966.318.266)	(3.745.055.323)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(9.361.482.515)	(6.731.407.377)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(9.361.482.515)	(6.731.407.377)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(2.218.725.877)	(5.319.708.740)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		28.232.155.582	25.391.960.469
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		26.013.429.705	20.072.251.729

Người lập biểu

Đặng thị Huệ

Kế toán trưởng

Cao Tấn Tước



TP. HCM, ngày 15 tháng 7 năm 2012

Tổng Giám Đốc

Mai thị Bé

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Địa chỉ : 367, Nguyễn Trãi, P. Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Thuyết minh báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần
2. Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất - kinh doanh
3. Ngành nghề kinh doanh :

Sản xuất kinh doanh dược phẩm, dược liệu, mỹ phẩm, vật tư, y tế và các sản phẩm khác thuộc ngành y tế. Liên doanh, liên kết với tổ chức và cá nhân ở trong và ngoài nước. Gia công chế biến một số nguyên liệu phụ liệu (chủ yếu từ dược liệu để sản xuất một số mặt hàng có tính cách truyền thống). In và ép bao bì bằng nhựa, nhôm, giấy. Sản xuất , mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), chế phẩm diệt côn trùng - diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế (không sản xuất tại trụ sở)/.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Ban Tổng Giám Đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Luật kế toán, các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng :

Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí gia công và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Địa chỉ : 367, Nguyễn Trãi, P. Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Thuyết minh báo cáo tài chính

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

4. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản cố định như sau :

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
Máy móc thiết bị	06 - 10 năm
Thiết bị, phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
Quyền sử dụng đất	50 năm
Phần mềm máy vi tính	03 - 05 năm
Tài sản cố định khác	05 - 08 năm

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán, đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác : được ghi nhận theo giá gốc.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí trả trước

Chi phí có liên quan đến nhiều kỳ được ghi nhận tại thời điểm có bằng chứng chắc chắn về sự phát sinh chi phí không kể đã chi hay chưa chi tiền và được đánh giá một cách chính xác và được xác định một cách đáng tin cậy và trung thực và được phân bổ vào các kỳ kế toán liên quan.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí phải trả

Chi phí được ghi nhận tại thời điểm có bằng chứng chắc chắn về sự phát sinh chi phí không kể đã chi hay chưa chi và được đánh giá một cách chính xác và được xác định một cách đáng tin cậy và trung thực.

8. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Địa chỉ : 367, Nguyễn Trãi, P. Nguyễn Cư Trinh, Q.I, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Thuyết minh báo cáo tài chính

Số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu : là số vốn thực góp của chủ sở hữu;

Thặng dư vốn : là số chênh lệch giữa mệnh giá và giá bán của cổ phiếu mới hoặc giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

- Quỹ đầu tư phát triển :	23%
- Quỹ dự trữ tài chính (mức trích lập cộng dồn qua các năm không quá 10% Vốn điều lệ):	5%
- Quỹ khen thưởng phúc lợi :	22%
- Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành Cty	5%

10. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là khoản nợ phải trả trong kỳ theo mức cổ tức được công bố.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và chi phí :

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa được chuyển giao cho người mua đồng thời Công ty có được sự đảm bảo nhận được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu là lãi tiền gửi và được Công ty ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Chi phí phát sinh cho việc giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh và phù hợp với doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong kỳ.

Chi phí tài chính là tổng chi phí tài chính thực tế phát sinh trong kỳ và không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch giữa số thuế thu nhập hoãn lại năm nay với số thuế thu nhập hoãn lại các năm trước và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại không bù trừ.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

13. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên liên quan được trình bày tại phần thuyết minh VII

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	3.443.148.318	2.943.646.277
Tiền gửi ngân hàng	2.070.281.387	1.788.509.305
Trong đó : Tiền gửi USD	42.878,40	13.013,24

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Địa chỉ : 367, Nguyễn Trãi, P. Nguyễn Cư Trinh, Q.I, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Thuyết minh báo cáo tài chính

<i>Tiền gửi EURO</i>		873,40	878,86
Các khoản tương đương tiền		20.500.000.000	23.500.000.000
(Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)		20.500.000.000	23.500.000.000
Cộng	-	26.013.429.705	28.232.155.582
2. Các khoản phải thu khách hàng			
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu khách hàng tiền bán sản phẩm		22.408.235.431	21.961.454.037
Phải thu khách hàng nhượng nguyên liệu		6.426.000	75.011.475
Cộng	-	22.414.661.431	22.036.465.512
3. Các khoản trả trước cho người bán			
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ứng trước nhập nguyên liệu cho sản xuất		4.317.709.598	604.140.708
Ứng trước mua máy móc thiết bị cho sản xuất		235.174.015	127.405.896
Ứng trước cho hoạt động khác		650.166.020	490.825.910
Cộng	-	5.203.049.633	1.222.372.514
4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác			
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vật tư cho mượn		-	56.739.936
Thuế thu nhập cá nhân chưa thu		11.390.058	-
Ước lãi tiền gửi kỳ hạn dưới 3 tháng, tính từ ngày gửi đến 31/12/2011		-	100.223.000
Cộng	-	11.390.058	156.962.936
5. Hàng tồn kho			
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu		35.515.114.802	35.392.484.715
Công cụ, dụng cụ		3.000.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang		4.405.197.517	3.416.986.702
Thành phẩm		22.634.131.969	21.813.687.237
Hàng hoá		186.865.981	287.822.488
Cộng	-	62.744.310.269	60.910.981.142
6. Chi phí trả trước ngắn hạn			
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí thực hiện lịch và pano quảng cáo sản phẩm		645.698.934	534.969.864
Chi phí bảo hiểm tài sản		74.917.974	-
Phí sửa chữa tài sản		182.686.626	-
Cộng	-	903.303.534	534.969.864
7. Tài sản ngắn hạn khác			
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vật tư thiếu kiểm kê, chờ xử lý		37.212.657	-
Tạm ứng mua vật dụng trong Công ty		392.037.544	345.680.464
Ký quỹ ngắn hạn		27.338.000	17.903.000
Cộng	-	456.588.201	363.583.464

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Địa chỉ : 367, Nguyễn Trãi, P. Nguyễn Cư Trinh, Q.I, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Thuyết minh báo cáo tài chính**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý & TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	27.422.932.409	69.556.022.585	12.294.287.087	3.228.259.470	112.501.501.551
Mua mới		1.824.684.850	1.209.499.090		3.034.183.940
Xây dựng cơ bản hoàn thành	344.252.753			52.470.000	396.722.753
Thanh lý, nhượng bán		212.115.005	443.074.802		655.189.807
Số cuối năm	27.767.185.162	71.168.592.430	13.060.711.375	3.280.729.470	115.277.218.437

Trong đó,

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng

52.590.529.845 đồng

Giá trị hao mòn

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý & TSCĐ khác	Tổng cộng
Số đầu năm	14.879.174.076	52.927.685.363	8.331.628.153	2.703.543.031	78.842.030.623
Khấu hao trong kỳ	642.882.535	2.443.129.391	529.180.854	119.084.799	3.734.277.579
Thanh lý, nhượng bán	-	209.022.596	443.074.802	-	652.097.398
Số cuối năm	15.522.056.611	55.161.792.158	8.417.734.205	2.822.627.830	81.924.210.804
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	12.543.758.333	16.628.337.222	3.962.658.934	524.716.439	33.659.470.928
Số cuối năm	12.245.128.551	16.006.800.272	4.642.977.170	458.101.640	33.353.007.633

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	2.916.105.767	1.411.282.678	1.258.426.200	5.585.814.645
Mua trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối năm	2.916.105.767	1.411.282.678	1.258.426.200	5.585.814.645
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	116.644.230	715.579.927	1.258.426.200	2.090.650.357
Khấu hao trong kỳ	29.161.056	88.813.116		117.974.172
Giảm trong kỳ		-	-	-
Số cuối năm	145.805.286	804.393.043	1.258.426.200	2.208.624.529
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	2.799.461.537	695.702.751	-	3.495.164.288
Số cuối năm	2.770.300.481	606.889.635	-	3.377.190.116

Trong đó,

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng

1.781.577.703 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Địa chỉ : 367, Nguyễn Trãi, P. Nguyễn Cư Trinh, Q.I, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Thuyết minh báo cáo tài chính**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Thiết bị, cấu hình và bản quyền đọc mã vạch Iscala.
 Bộ máy điều hòa nhiệt độ
Cộng

Số cuối kỳ	Số đầu năm
-	225.598.606
29.565.000	-
29.565.000	225.598.606

11. Phải trả người bán

Mua nguyên vật liệu cho sản xuất
 Mua máy móc thiết bị cho sản xuất
 Mua vật dụng khác cho sản xuất
Cộng

Số cuối kỳ	Số đầu năm
5.950.178.256	5.166.467.519
73.980.228	107.294.566
276.689.411	346.520.209
6.300.847.895	5.620.282.294

12. Người mua trả tiền trước

Khách hàng ứng trước tiền mua sản phẩm
Cộng

Số cuối kỳ	Số đầu năm
489.626.978	280.651.416
489.626.978	280.651.416

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế giá trị gia tăng hàng hoá dịch vụ bán ra
 Thuế giá trị gia tăng vật tư, hàng hóa nhập khẩu
 Thuế nhập khẩu
 Thuế thu nhập doanh nghiệp
 Thuế thu nhập cá nhân
 Thuế tài nguyên
 Thuế môn bài
 Thuế nhà đất, thuế đất
 Phí, lệ phí & nộp khác
Cộng

Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
-	510.748.670	510.748.670	-
-	1.070.046.153	1.070.046.153	-
-	22.155.033	22.155.033	-
5.652.331.886	6.969.825.518	8.542.471.886	4.079.685.518
119.928.736	1.379.861.853	1.292.464.288	207.326.301
371.880	2.634.720	2.489.880	516.720
-	4.000.000	4.000.000	-
182.550.600	28.016.820	194.570.820	15.996.600
-	-	-	-
5.955.183.102	9.987.288.767	11.638.946.730	4.303.525.139

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Nguyên vật liệu thừa kiểm kê, chờ xử lý
 Bảo hiểm xã hội, y tế, kinh phí công đoàn chưa nộp
 Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn
 Cổ tức phải trả
 Chi phí bán hàng, quảng cáo phải trả
 Phải trả khác
Cộng

Số cuối kỳ	Số đầu năm
76.652.873	-
245.342.828	(40.351.835)
643.000.000	511.500.000
8.414.302.988	2.234.839.903
120.067.432	-
8.270.280	31.290.711,00
9.507.636.401	2.737.278.779

15. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày trên Phụ lục đính kèm

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Địa chỉ : 367, Nguyễn Trãi, P. Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Thuyết minh báo cáo tài chính**Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.481.634	6.481.634
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	6.481.634	6.481.634
- Cổ phiếu phổ thông	6.481.634	6.481.634
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	6.240	6.240
- Cổ phiếu phổ thông	6.240	6.240
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.475.394	6.475.394
- Cổ phiếu phổ thông	6.475.394	6.475.394
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/1 cổ phiếu)	10.000	10.000

(*) Chi tiết lợi nhuận chưa phân phối gồm

Số dư đầu năm		26.746.779.927
Tăng từ kết quả kinh doanh trong năm nay		20.905.576.554
Giảm trong năm nay, gồm :		30.525.076.428
- Trích Quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2011	8.850.647.614	
- Trích Quỹ dự phòng tài chính từ lợi nhuận năm 2011	40.752.567	
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2011	1.011.730.647	
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2012	5.081.000.000	
- Chi trả cổ tức năm 2011	9.065.551.600	
- Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2012	6.475.394.000	
Số dư cuối kỳ tại ngày 30/6/2012		17.127.280.053

VI THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu****Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	140.240.869.998	119.986.067.443
- Doanh thu hàng hoá	3.948.867.020	4.497.127.194
- Doanh thu thành phẩm	136.292.002.978	115.488.940.249
Trong đó : Xuất khẩu	2.071.482.400	73.980.000.000
Các khoản giảm trừ doanh thu	372.365.492	132.867.676
- Hàng bán trả lại	372.365.492	132.867.676
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	139.868.504.506	119.853.199.767
- Doanh thu hàng hoá	3.948.867.020	4.497.127.194
- Doanh thu thành phẩm	135.919.637.486	115.356.072.573
Trong đó : Xuất khẩu	2.071.482.400	73.980.000.000

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa đã bán	3.372.402.042	3.945.354.083
Giá vốn thành phẩm đã bán	82.152.009.395	71.298.842.071
Cộng	85.524.411.437	75.244.196.154

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Địa chỉ : 367, Nguyễn Trãi, P. Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Thuyết minh báo cáo tài chính**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

Lãi tiền gửi có kỳ hạn
Lãi tiền gửi không kỳ hạn
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
Cộng

Năm nay	Năm trước
1.100.373.003	1.191.738.557
25.068.572	37.014.224
16.725.475	62.709.445
1.142.167.050	1.291.462.226

4. Chi phí tài chính

Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện
Cộng

Năm nay	Năm trước
16.639.901	18.790.424
16.639.901	18.790.424

5. Chi phí bán hàng

Chi phí nhân viên
 Chi phí tiền lương
 Chi phí KPCĐ, BHXH, BHYT & BHTN
 Chi phí ăn giữa ca
Chi phí vật dụng, công cụ, dụng cụ
Chi phí khấu hao tài sản cố định
Chi phí dịch vụ mua ngoài
Chi phí bằng tiền khác
Cộng

Năm nay	Năm trước
7.745.264.939	6.862.361.999
6.716.584.200	5.907.268.556
724.456.269	502.923.233
304.224.470	452.170.210
686.707.679	550.846.571
218.531.490	273.116.462
1.097.789.611	589.185.836
3.811.440.077	4.199.540.322
13.559.733.796	12.475.051.190

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên
 Chi phí tiền lương
 Chi phí KPCĐ, BHXH, BHYT & BHTN
 Chi phí ăn giữa ca
Chi phí vật dụng, công cụ dụng cụ quản lý
Chi phí khấu hao tài sản cố định
Thuế, phí và lệ phí
Chi phí dịch vụ mua ngoài
Chi phí bằng tiền khác
Cộng

Năm nay	Năm trước
10.888.794.466	7.423.189.803
9.649.427.834	6.533.211.186
765.443.587	538.001.682
473.923.045	351.976.935
569.851.435	443.861.617
544.667.843	570.396.641
51.359.284	150.510.315
863.364.736	971.484.254
1.353.524.844	993.224.625
14.271.562.608	10.552.667.255

7. Thu nhập khác

Thu nhượng bán tài sản cố định thanh lý
Nhượng bán nguyên phụ liệu
Bán phế liệu
Cộng

Năm nay	Năm trước
168.181.818	424.909.091
115.547.627	91.251.200
63.816.911	60.909.091
347.546.356	577.069.382

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Địa chỉ : 367, Nguyễn Trãi, P. Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Thuyết minh báo cáo tài chính**8. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thanh lý TSCĐ	3.092.409	7.747.887
Chi phí nhượng bán nguyên phụ liệu	107.375.689	74.529.893
Chi phí khác	-	110.864.404
Cộng	110.468.098	193.142.184

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	27.875.402.072	23.237.884.168
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp :		
- Các khoản điều chỉnh tăng	3.900.000	491.704.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	27.879.302.072	23.729.588.168
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế TNDN hiện hành phải nộp	6.969.825.518	5.932.397.042

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế		-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ :	-	113.875.000
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:	-	113.875.000

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	20.905.576.554	17.305.487.126
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	20.905.576.554	17.305.487.126
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	6.475.394	6.475.394
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	3.228	2.672

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	55.764.237.432	52.798.614.322
Chi phí nhân công	37.804.438.560	31.182.601.995
Chi phí tiền lương	32.404.529.259	26.377.126.304
Chi phí BHXH, BHYT, BHYT & KPCĐ	3.696.941.801	3.282.841.191
Chi phí ăn giữa ca	1.702.967.500	1.522.634.500

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC

Địa chỉ : 367, Nguyễn Trãi, P. Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012

Thuyết minh báo cáo tài chính

Chi phí vật dụng, công cụ và dụng cụ	2.656.161.447	313.647.657
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.200.154.353	4.109.431.153
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.123.183.699	2.886.128.195
Chi phí bằng tiền khác	6.284.503.181	7.249.224.695
Cộng	110.832.678.672	98.539.648.017

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**Giao dịch với các bên liên quan****Bên liên quan**

Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn (SAPHARCO)

Mối quan hệ

Công ty liên kết của
Cty CP Dược phẩm
Dược liệu Pharmedic

Trong năm Công ty phát sinh nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần Dược phẩm dược liệu-PHARMEDIC		
Mua nguyên liệu	3.444.595.740	9.691.948.245
Tiền mua nguyên liệu đã trả	2.120.619.375	9.691.948.245
Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn (SAPHARCO)		
Bán các thành phẩm	7.971.841.409	9.168.878.755
Tiền bán thành phẩm đã thu	9.210.760.855	9.081.992.193

Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo, tình hình công nợ với bên liên quan như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu bán các thành phẩm cho SAPHARCO	699.251.310	1.938.170.756
Cộng nợ phải thu	699.251.310	1.938.170.756
Phải trả mua nguyên liệu cho SAPHARCO	1.323.976.365	-
Cộng nợ phải trả	1.323.976.365	-

Tất cả các giao dịch với Công ty liên kết là bên liên quan đều được thực hiện thông qua hợp đồng kinh tế.

Giá bán sản phẩm cung cấp cho các bên liên quan cũng như giá mua nguyên vật liệu từ các bên liên quan đều được thực hiện theo giá thị trường.

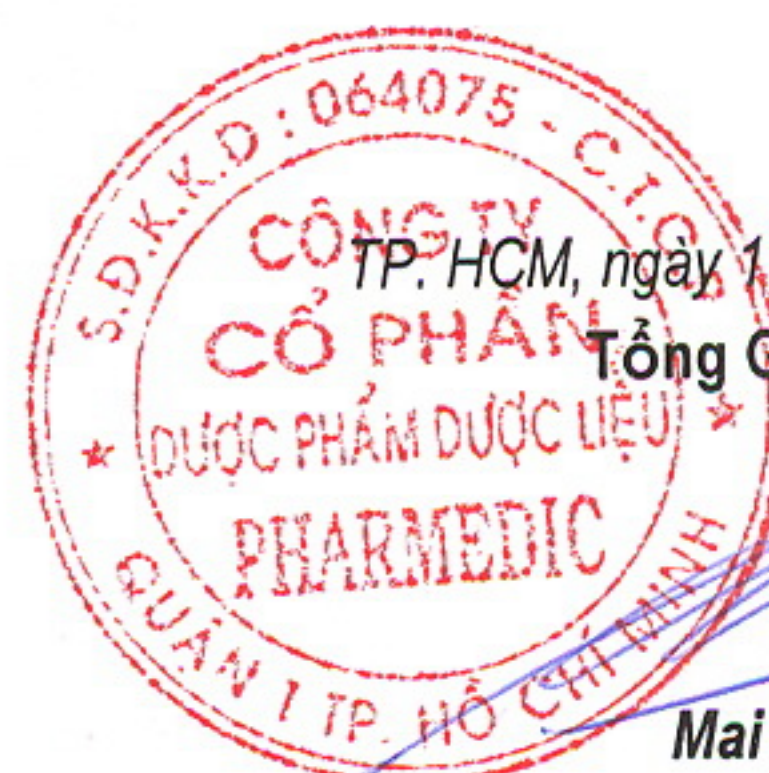
Các khoản công nợ phải thu không có thể chấp và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

Người lập biểu

Đặng thị Huệ
Đặng thị Huệ

Kế toán trưởng

Cao Tấn Tước
Cao Tấn Tước



TP. HCM, ngày 16 tháng 7 năm 2012
Tổng Giám Đốc

Mai thị Bé
Mai thị Bé

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU PHARMEDIC
Địa chỉ : 367, Nguyễn Trãi, P. Nguyễn Cư Trinh, Q.1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012
Thuyết minh báo cáo tài chính

Phụ lục : Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái (chưa thực hiện)	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối (*)	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	64.816.340.000	913.497.000	(93.405.000)	(16.985.687)	13.901.882.828	4.888.314.375	20.821.874.256	105.231.517.772
Lợi nhuận tăng năm trước							38.658.261.656	38.658.261.656
Giảm trong năm trước								
+ Trích lập các quỹ	-	-	-	-	6.210.268.234	1.552.567.058	(7.762.835.292)	-
+ Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(13.598.327.400)	(13.598.327.400)
+ Giảm khác	-	-	-	16.985.687	-	-	(11.372.193.293)	(11.355.207.606)
Số dư cuối năm trước, số dư đầu năm nay	64.816.340.000	913.497.000	(93.405.000)	-	20.112.151.062	6.440.881.433	26.746.779.927	118.936.244.422
Lợi nhuận tăng năm nay							20.905.576.554	20.905.576.554
Giảm trong năm nay								
+ Trích lập các quỹ					8.850.647.614	40.752.567	(8.891.400.181)	-
+ Chia cổ tức							(15.540.945.600)	(15.540.945.600)
+ Giảm khác	-	-	-	-			(6.092.730.647)	(6.092.730.647)
Số dư cuối kỳ	64.816.340.000	913.497.000	(93.405.000)	-	28.962.798.676	6.481.634.000	17.127.280.053	118.208.144.729

Người lập biểu

hu

Đặng thị Huệ

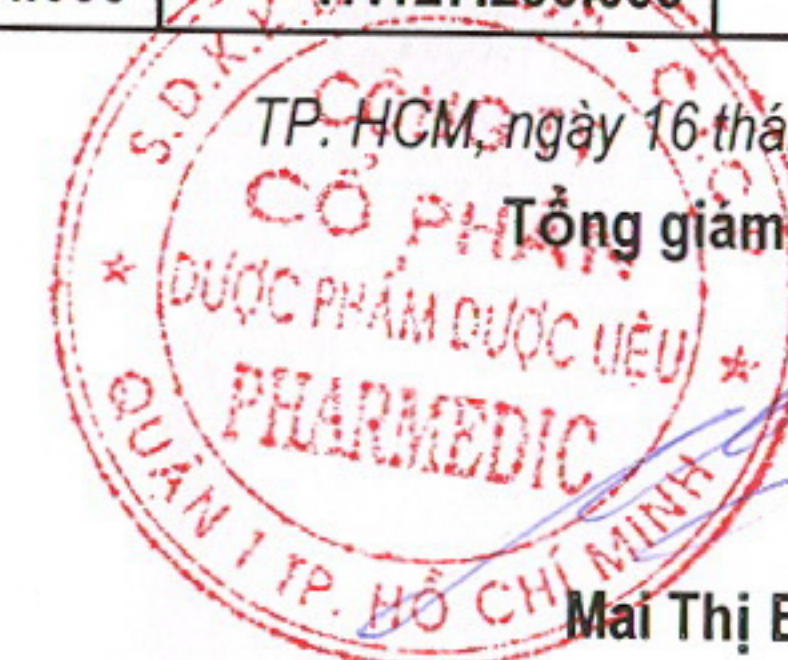
Kế toán trưởng

hu

Cao Tấn Tước

TP. HCM, ngày 16 tháng 7 năm 2012

Tổng giám đốc



Mai Thị Bé

**CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM DƯỢC LIỆU
PHARMEDIC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TP. HCM, ngày 16 tháng 7 năm 2012

Số 1023/PMC-CBTT

V/v : Giải trình về kết quả SXKD
giữa hai kỳ báo cáo biến động trên 10%

**Kính gửi : - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Căn cứ Khoản 3.2, Điểm 3, Điều 10, Mục 2 Chương II của Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính "*Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán*";

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Quý 2 năm 2012 so Quý 2 năm 2011; Công ty Cổ phần Dược phẩm Dược liệu PHARMEDIC giải trình nguyên nhân sự biến động KQKD trên 10% giữa hai kỳ báo cáo như sau :

Trong Quý 2 năm 2012 tình hình giá vật tư, nguyên vật liệu cho sản xuất dược phẩm vẫn chưa được ổn định, để đẩy mạnh sản xuất Công ty đã có các chính sách rà soát việc sử dụng nguồn vốn hiện có nhằm hạn chế nguồn vốn vay của các tổ chức tín dụng, đồng thời thực hiện chính sách tăng thị phần thông qua công tác tiếp thị quảng cáo thường xuyên, hỗ trợ thị trường đạt hiệu quả, do đó lợi nhuận Quý 2 năm 2012 đã tăng so cùng kỳ năm trước.

Trân trọng kính chào.

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐS. Mai Thị Bé

Nơi nhận :

- Như trên
- Lưu : VT, TCKT